TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 02 năm 2018
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngọ Thị Thanh Hảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Biên.

2. Ông Hoàng Văn Tuân.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND Thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hán - Kiểm sát viên.

Ngày 09/02/2018, tại trụ sở TAND thành phố B mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 427/2018/TLST - HNGĐ ngày 14/11/2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 19/01/2018 giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn**: Chị Trần Thị T, sinh năm 1991.

Nơi ĐKHKTT: Thôn M, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang

Chỗ ở: Khu tập thể Phòng an ninh điều tra Công an tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: đường L, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

+ **Bị đơn**: Anh Phạm Anh Q, sinh năm 1986.

Nơi ĐKHKTT: Khu tập thể Phòng an ninh điều tra Công an tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: số 1A, đường N, phường Q, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở: số A, đường L, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: Chị và anh Q lấy nhau là tự nguyện, có được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang ngày 08/06/2012. Hai gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn chị về nhà anh Q làm dâu và sống chung cùng với bố mẹ anh Q tại Xóm M, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang đến năm 2014, chị chuyển về công tác tại Công an tỉnh Bắc Giang, hai vợ chồng sinh sống tại khu tập thể Công an tỉnh Bắc Giang. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn từ tháng 7/2017, nguyên nhân mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, anh Q không quan tâm đến vợ con, vợ chồng ly thân từ tháng 11 năm 2017 đến nay.

Anh Q cho rằng chị có quan hệ ngoại tình là không đúng, anh Q không đồng ý ly hôn vì anh Q muốn cản trở công việc của chị, còn trong cuộc sống vợ chồng chị và anh Q không còn tình cảm gì, từ tháng 7 năm 2017 giữa chị và anh Q không còn quan tâm đến nhau. Khoảng đầu tháng 1/2018 anh Q uống rượu say có vào phòng làm việc của chị đánh chị trong cơ quan chị ai cũng biết. Việc vợ chồng mâu thuẫn hai bên gia đình có biết, bố mẹ hai bên có khuyên bảo nhưng chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vì mỗi lần vợ chồng mâu thuẫn anh Q có lời nói súc phạm bố mẹ chị.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q

- Về con chung: Vợ chồng chị có 01con chung là cháu Phạm Anh Q, sinh ngày 03/01/2013, hiện tại cháu đang ở với chị, khi ly hôn tôi nhận nuôi con. Tôi yêu cầu anh Q cấp dương nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Hiện chị là công chức làm việc tại Công an tỉnh Bắc Giang, thu nhập mỗi tháng 3.000.000 đồng, ngoài ra chị còn làm thêm thu nhập mỗi tháng khoảng 5.000.000 đồng

- Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung gì. Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong thời gian chung sống với gia đình nhà chồng chị không đóng góp gì vào khối tài sản chung của gia đình nhà chồng

- Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng chị không có nợ chung, không cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

+ Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là anh Phạm Anh Q trình bày: Anh và chị T lấy nhau là tự nguyện, có được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang ngày

08/06/2012. Hai gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn chị T về nhà anh làm dâu và sống chung cùng với bố mẹ anh tại Xóm M, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang đến khoảng tháng 4 năm 2014. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến khoảng cuối tháng 10 năm 2017 thì cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuân, do chị T bảo là không còn tình cảm với anh và chị T có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, sau khi chị T làm đơn ly hôn thì chị T đưa con về nhà mẹ đẻ chị T, anh dọn ra ngoài và thuê nhà ở tại số A, đường L, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, còn chị T và con anh ở tại khu tập thể nơi chị T công tác. Anh mong chị T suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Trường hợp chị T cương quyết ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

- Về con chung: Vợ chồng anh 01con chung là cháu Phạm Anh Q, sinh ngày 03/01/2013, hiện tại cháu đang ở với chị T, khi ly hôn anh nhận nuôi con anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Thu nhập của anh mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng, trường hợp anh không được nuôi con, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho chị T như chị T yêu cầu là 2.000.000 đồng một tháng. Anh sẽ có trách nhiệm với con, anh không đưa tiền trực tiếp cho chị T, có thể anh sẽ cho con anh nhiều hơn chị T yêu cầu

- Về tài sản chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung gì. Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong thời gian chung sống với gia đình nhà bố mẹ anh, vợ chồng anh không đóng góp gì vào khối tài sản chung của bố mẹ anh

- Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng anh không có nợ chung, không cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

+ Tại biên bản làm việc ngày 19 tháng 01 năm 2018, bà Lê Thị T trình bày: Bà là mẹ để của chị Trần Thị T, gia đình bà tổ chức lễ cưới hỏi cho chị T và anh Q năm 2012, sau khi cưới chị T ở cùng với gia đình nhà chồng, được khoảng một hai năm thì vợ chồng TQ ở tại khu tập thể Công an nơi chị T công tác, vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, từ đầu năm 2017 giữa vợ chồng chị T và anh Q có mâu thuẫn, bà được biết là do anh Q nóng tính, uống rượu say thường xuyên đánh đập chị T, có những lần anh Q đánh chị T giữa đêm hôm chị T phải bế con về nhà bà ở. Nhiều lần như vậy gia đình bà có khuyên bảo anh Q và anh Q có hứa sửa chữa nhưng sau đâu lại vào đấy. Có lần vợ chồng chị T anh Q mâu thuẫn, anh Q gọi điện thoại xúc phạm bà, sau đó lại xin lỗi bà. Với lương tâm của một người mẹ bà nhiều lần khuyên bảo chị T cố về chung sống để cho con khỏi khổ nhưng càng ngày anh Q mỗi lần uống rượu vào là đánh đập chị T rất

đau. Nếu cứ phải sống như vậy thì con bà không có hạnh phúc. Đề nghị Tòa án hòa giải để anh Q sửa chữa, còn nếu anh Q không thay đổi thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: chị T và anh Q có 01con chung là cháu Phạm Anh Q, sinh ngày 03/01/2013. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung; về nghĩa vụ chung về tài sản: Bà không rõ

+ Tại biên bản làm việc ngày 24 tháng 01 năm 2018, ông Phạm Hồng C và bà Lê Thị Đ trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ anh Phạm Anh Q, Năm 2012 anh Phạm Anh Q kết hôn với chị Trần Thị T, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, sau khi cưới anh Q và chị T sống cùng với ông bà, đến năm 2014 anh Q và chị T ở riền tại khu tập thể an ninh điều tra Công an tỉnh Bắc Giang, cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến đầu năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyễn nhân mâu thuẫn theo anh Q nói là do chị T có quan hệ bất chính với người đàn ông khac. Sau khi biết gia đình ông bà có khuyên bảo nhưng chị T không nghe, ông bà có lên gặp bố mẹ chị T để cùng khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay chị T nhất quyết ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung: anh Q và chị T có một con chung là cháu Phạm Anh Q, sau khi ly hôn gia đình có nguyện vọng đề nghị Tòa án giao con cho anh Q nuôi.

+ Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Phạm Anh Q. Giao cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Anh Q sinh ngày 03/01/2013, anh Q phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T mỗi tháng 2.000.000 đồng. Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, anh Q phải chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

- Kiến nghị, khắc phục: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Phạm Anh Q kết hôn năm 2012 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, được UBND thị trấn C cấp giấy chứng nhận kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống chị T và anh Q đều xác định cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn từ năm 2017, mâu thuẫn trầm trọng là từ cuối tháng 10 năm 2017, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, một phần do vợ chồng không còn tin tưởng nhau, anh Q hay đánh đập chị T. Từ tháng 11/2017, chị T và anh Q mỗi người ở một nhà khác nhau. Anh Q không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T, nhưng xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị T và anh Q có một con chung là cháu Phạm Anh Q sinh ngày 03/01/2013, khi ly hôn, chị T và anh Q đều nhận nuôi con chung. Xét thấy hiện tại cháu Q còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ và cháu Q vẫn đang sống cùng với chị T. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị T là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình

Anh Q có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở anh Q thực hiện quyền này.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: chị T yêu cầu cấp dưỡng 2.000.000 đồng thì thấy: Anh Q và chị T đều có công việc ổn định, thu nhập của anh Q nhiều hơn chị T, nhưng anh Q đang phải thuê nhà để ở, còn chị T đang sống tại khu tập thể cơ quan, căn cứ vào thu nhập thực tế của anh Q và nhu cầu thiết yếu của cháu bé, do vậy cần buộc anh Q phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T mỗi tháng là 1.500.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 02/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi

Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T và anh Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội. Anh Q phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với qui định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn anh Phạm Anh Q.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị T nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Anh Q sinh ngày 03/01/2013. Anh Phạm Anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Trần Thị T mỗi tháng là 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 2 năm 2018 đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Anh Q có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh Q thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số AA/2012/06441 ngày 14/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Anh Phạm Anh Q phải chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2-Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND TP. B.
- CCTHADS TP. B ;
- UBND Thị trấn C, huyện Y;
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngọ Thị Thanh Hảo